**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TRƯỜNG ĐẠI HỘC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

**KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA CÁC ĐỀ TÀI KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CẤP BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỰC HIỆN TỪ NĂM 2018**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ** | **Người chủ trì và các thành viên** | **Đối tác trong nước và quốc tế** | **Thời gian thực hiện** | **Đang thực hiện/ Nghiệm thu/ Thanh lý** | **Kinh phí thực hiện (triệu đồng)** | **Sản phẩm, ứng dụng thực tiễn đã hoàn thành của đề tài** | | | | |
| **Bài báo ISI, Scopus, bài trong nước, bài hội thảo quốc tế, hội thảo trong nước**  **https://doi.org...** | **Sách chuyên khảo, Giáo trình, sách tham khảo, tài liệu tham khảo** | **Đào tạo thạc sĩ, hỗ trợ đào tạo NCS** | **Sản phẩm khác, sản phẩm ứng dụng thực tiễn** |
|  | **B2018** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Nâng cao hiệu suất quang xúc tác xử lí chất hữu cơ gây ô nhiễm môi trường của vật liệu g-C3N4 bằng cách pha tạp một số nguyên tố kim loại (Ag, Au, Fe, Nd, V,…. B2018 - SPH - 06 - CTVL | CNĐT: Lâm Thị Hằng - 1986  Thành viên:  1. Đỗ Danh Bích - 1980  2. Phạm Văn Vĩnh - 1973  3. Phạm Đỗ Chung - 1982  4. Trịnh Đức Thiện - 1984  5. Đinh Hùng Mạnh - 1976  6. Ngô Tuấn Cường - 1980  7. Lê Việt Cường - 1980 | - Trường Đại học Công nghệ - ĐH Quốc gia Hà Nội  - Trường ĐH Tài nguyên và Môi Trường Hà Nội | 10/2018 - 10/2020 | Đã nghiệm thu cấp cơ sở | 600 | 1. Effect of heating time on structural, morphology, optical and photocatalytic properties of g-C3N4 nanosheets Effect of heating time on structural, morphology, optical and photocatalytic properties of g-C3N4 nanosheets (ISI, Q3, Chinese Physics B ,<https://sci-hub.se/10.1088/1674-1056/ab7e95>)  2. Fe-Doped g-C3N4: High-Performance Photocatalysts in Rhodamine B Decomposition ( ISI, Q1, Polymer Chemistry , <https://sci-hub.se/10.3390/polym12091963>)  3. Ảnh hưởng của nhiệt độ và thời gian nung lên cấu trúc, tính chất vật lí và khả năng quang xúc tác của vật liệu g-C3N4 được điều chế bằng quá trình nhiệt phân urê trong không khí (ISSN, tạp chí Hnue Journal Of Science, <http://stdb.hnue.edu.vn/portal/journals.php?articleid=6107>) |  | 1. Hỗ trợ NCS: Lâm Thị Hằng  Tên đề tài: Nghiên cứu chế tạo họ vật liệu nền g-C3N4 và khảo sát tính chất vật lí của chúng  2. Thạc sĩ: Lương Cao Thắng  Đề tài: Nghiên cứu ảnh hưởng của một số điều kiện thí nghiệm tới khả năng quang xúc tác của g-C3N4 chế tạo trong môi trường không khí  3. Thạc sĩ: Nguyễn Thùy Trang  Đề tài: Nghiên cứu, chế tại và khảo sát khả năng quang xúc tác phân hủy Rhodamine B của V/g-C3N4 và (Ag,V)/g-C3N4 | * Quy trình công nghệ chế tạo g-C3N4 tinh khiết và g-C3N4 pha tạp kim loại (Ag, Au, Fe, Nd, V,...). * Vật liệu g-C3N4 pha tạp chất kim loại (Ag, Au, Fe, Nd, V,...). * Quy trình công nghệ phân hủy chất hữu cơ độc hại (RhB, MB) trên các vật liệu điều chế được bằng phương pháp quang xúc tác. * Báo cáo đánh giá khả năng ứng dụng các hệ vật liệu g-C3N4 pha tạp một số kim loại (Ag, Au, Fe, Nd, V,...) (với cùng thời gian chiếu sáng, khả năng quang xúc tác tăng lên 3 lần so với hệ không pha tạp). |
|  | Nghiên cứu tổng hợp vật liệu tiên tiến trên cơ sở nano oxit kẽm nhằm xử lý hiệu quả các ion Hg2+ và Zn2+ trong nguồn nước thải ô nhiễm. - B2018 - SPH -47 | CNĐT: TS. Nguyễn Thị Thu Hà  Thành viên:  Lương Thị Thu Thủy  Lê Văn Khu  Nguyễn Văn  Nguyễn Thị Mơ | Công ty cổ phần EJC, chi nhánh Thái Bình | 01/2018-01/2020 | Đã nghiệm thu | 600  (NSNN: 480,  nguồn khác: 120) | 1. Nguyen Thi Thu Ha, Cam, L.M., Lan, N.H. et al. A Theoretical Study on the Interaction between Zinc Oxide Cluster (ZnO)3 and Mercury Ion (HgOH+). Russ. J. Phys. Chem. 94, 1199–1207 (2020).<https://doi.org/10.1134/S0036024420060126> 2. Theoretical study on adsorption ability of (ZnO)6 cluster for dimethylmercury removal and the influences of the supports and other ions in the adsorption process, Adsorption (submitted) 3. Dinh Thi Lan and Nguyen Thi Thu Ha. Understanding the adsorption interaction between Hg(II) and nano zinc oxide: A theoretical study. Elixir Comp. Chem. 119 (2018) 51031-51033 4. Nguyễn Thị Thu Hà, Lê Văn Khu, Phan Thị Hồng Dung, Lương Thị Thu Thủy, Lê Minh Cầm. Nghiên cứu quá trình hấp phụ ion Zn(II) trên nano kẽm oxit. Phần 1. Cân bằng hấp phụ. Tạp chí hóa học, 2019, 57, 2e12, 200-204 5. Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Mơ, Phùng Thị Lan, Nguyễn Ngọc Hà, Lê Minh Cầm. Nghiên cứu quá trình hấp phụ ion Zn(II) trên nano kẽm oxit. Phần 2. Động học hấp phụ và các thông số nhiệt động. Tạp chí hóa học, 2019, 57, 2e12, 205-209 6. Nguyen Thi Thu Ha, Nguyen Ngoc Ha, Tran Van Tuong, Le Minh Cam. Nano Zinc Oxide: Synthesis, Characterization and Its Zn(II) Adsorption Capacity.  International Conference on Advanced Chemistry and Catalysis (Advanced Chemistry 2018), December 06-07, 2018, Las Vegas, United States; 7. Nguyen Thi Thu Ha, Nguyen Van and Nguyen Thi Mo. Study on the synthesis, characterization and Zn(II)  adsorption properties of nano zinc oxide, Hội Thảo Giao Lưu Ngành Hóa, 2019, Hanoi, VN |  | Sản phẩm đào tạo: - 02 thạc sĩ (1. Đinh Thị Lan - 2018 - NGHIÊN CỨU LÝ THUYẾT QUÁ TRÌNH HẤP PHỤ THỦY NGÂN (II) TRÊN NANO OXIT KẼM; 2. Tưởng Thị Lan Anh - 2019 - NGHIÊN CỨU TỔNG HỢP VẬT LIỆU ZnO/SBA-15 ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG ĐỂ HẤP PHỤ Zn(II) TRONG DUNG DỊCH NƯỚC | 1. Sản phẩm ứng dụng: 01 Quy trình tổng hợp vật liệu hấp phụ Zn2+ và Hg2+ trên cơ sở nano ZnO 2. 100g  vật liệu mẫu với các đặc trưng hóa lý và các thông số (pH, nhiệt độ, lượng mẫu) để đạt hiệu suất xử lý Zn2+ và Hg2+ tốt nhất; 3. 01 bộ số liệu với các thông số động học phục vụ cho việc thiết kế hệ hấp phụ ở quy mô pilot |
|  | Nghiên cứu vai trò của rối lượng tử trong môi trường nhiễu. - B2018 - SPH -48 | CNĐT: PGS.TS. Nguyễn Văn Hợp  Thành viên: Nguyễn Bá Ân  Cao Thị Bích  Lê Thành Đạt | Viện Vật lí, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam | 2018-2019 | Đã nghiệm thu | 250.000.000 VNĐ(NSNN: 200 triệu, nguồn khác: 50 triệu) | Đề tài đã công bố được 03 bài báo trên các tạp chí quốc tế và quốc gia, cụ thể là  1) Bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế chuyên ngành ISI (SCIE, IF: 2,222):  Nguyen Van Hop, Optimal fidelity for quantum teleportation protocol of an arbitrary qubit state affected by amplitude-damping noise: causes and results, Quantum Information Processing (2019) 18:340, https://doi.org/10.1007/s11128-019-2455-7.  2) Bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế chuyên ngành (Scopus: Q2, ESCI):  Nguyen Van Hop and Nguyen Ba An, Optimal quantum channel for perfect controlled super-dense coding protocol Adv. Nat. Sci.: Nanosci. Nanotechnol. 10 (2019) 025008 (9pp), https://doi.org/10.1088/2043-6254/ab203e.  3) Bài báo đăng trên tạp chí quốc gia (ISSN):  Nguyen Van Hop, POWER OF THE CONTROLLER IN CONTROLLED JOINT REMOTE STATE PREPARATION OF AN ARBITRARY QUBIT STATE, Tạp chí khoa học Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội, Số 31-Khoa học tự nhiên và công nghệ, 85 (2019) (ISSN 2354-1504). |  | Chủ nhiệm đề tài đã hướng dẫn được 01 Luận văn Thạc sĩ (đã bảo vệ thành công đúng hướng của đề tài):  Nguyễn Thị Thao, Tối ưu hóa phẩm chất của giao thức đồng viễn tạo trạng thái lượng tử một qubit bất kì trong môi trường nhiễu, luận văn thạc sĩ khoa học vật lí, Trường ĐHSPHN, 2018. |  |
|  | Tổng hợp các phức chất mới của các nguyên tố đất hiếm Eu, Tb, Sm, Pr, Y với phối tử β–đixeton có nhận biết huỳnh quang để phát hiện phân tử 1O2 - B2018 - SPH -49 | CNĐT: TS. Đinh Thị Hiền  Thành viên:  1. TS Nguyễn Minh Hải  2. PGS.TS Lê Thị Hồng Hải  3. TS. Nguyễn Văn Hải  4. TS. Lương Thiện Tài  5. TS. Đào Thị Bích Diệp  6. TS. Nguyễn Vũ  7. Ths. Phạm Thị Minh Thảo |  | 01/2018-01/2020 | Đã nghiệm thu | 600  (NSNN: 480,  nguồn khác: 120) | 1. 01 bài báo ISI (SCI, IF =1.795): **Thi-Hien Dinha,\***, Hung-Huy Nguyen,b and Minh-Hai Nguyen b,\*, Synthesis, characterization, and reversible oxygen binding of β-diketonate–Eu(III) complexes bearing anthracene,[Inorganic Chemistry Communications](https://www.sciencedirect.com/science/journal/13877003),[112](https://www.sciencedirect.com/science/journal/13877003/112/supp/C), 2020, 107727.  2. Nguyễn Hồng Nhung, Nguyễn Minh Hải, **Đinh Thị Hiền**, “Tổng hợp và nghiên cứu cấu trúc các phức chất Y(III) của naphthoyltrifloaxetonat và benzoyltrifloaxetonat với 1,2 bis[antraxen-9-ylmetyl)amino]etan” (2018), T23, (3), Tr122-128.  3. **Dinh Thi Hien**, Nguyen Minh Hai, Luu Ngoc My, Phan Thi Thu Ha (2019), “Syntheses and luminescent properties of new Tb(III) complexes with β-diketone ligand for singlet oxygen detection”, Vietnam J.Chem, 56(6E2), pp.240-244.  4. Phan Thi Thu Ha, Nguyen Minh Hai, **Dinh Thi Hien** (2019), Structures and luminescent properties of samarium(III) complexes containing benzoyltrifluoroacetone and N,N–dimethyl–N’–(9–methylanthracenyl)ethylenediamine ligands, Vietnam. J.Chem, 57(Số 2, E12), pp.338-342.  5. **Dinh Thi Hien1\*** and Phan Thi Thu Ha (2020), Synthesis and structures of yttrium(iii) complexes containing 2-naphthoyltrifluoroacetone, benzoyltrifluoroacetone and N,N-dimethyl-N’-(9-methylanthracenyl)ethylenediamine ligand, HNUE JOURNAL OF SCIENCE, Volume 65, Issue 4A, pp. 3-10. |  | Sản phẩm đào tạo: 02 Thạc sỹ đã bảo vệ (1. Nguyễn Hồng Nhung - 2018 - Tổng hợp các phức chất mới của Y(III), Sm(III), Eu(III) với dẫn xuất β-đixeton có nhận biết huỳnh quang để phát hiện phân tử 1O2; 2. Phan Thị Thu Hà - 2019 - Tổng hợp, nghiên cứu các phức chất của Y(III), Eu(III), Sm(III) với dẫn xuất β-đixeton và *N,N*-đimetyl-*N*’-(9-metylantraxenyl)etylenđiamin có nhận biết huỳnh quang để phát hiện phân tử 1O2”. | - 01 quy trình tổng hợp quy mô phòng thí nghiệm tối thiểu 10 phức chất mới của các nguyên tố đất hiếm Eu, Tb, Sm, Pr, Y với phối tử β–đixeton có nhận biết huỳnh quang để phát hiện phân tử 1O2 có hiệu suất  >80%  - 01 quy trình tương tác thuận nghịch với ¹O2 của một số phức chất đã tổng hợp được.  - Bộ thông số tương tác giữa các phức chất (ít nhất 30 phức chất) với ¹O2 (7 chỉ số: nồng độ phức chất 5 µM, dải tuyến tính phát hiện 3 µM/lit, dải tuyến tính 0-10 µM, độ nhạy>70%, thời gian phát hiện <15 phút, nhiệt độ làm việc: 25-300C, pH: 7-10) |
|  | Xây dựng mô hình dự báo nguy cơ béo phì ở trẻ mầm non dựa trên mối liên quan giữa một số gen di truyền với dinh dưỡng và hoạt động thể lực - B2018 - SPH -50 | CNĐT: TS. Lê Thị Tuyết  Thành viên:  1. Nguyễn Thị Trung Thu  2. Nguyễn Thị Hồng Hạnh  3. Dương Thị Anh Đào  4. Đỗ Thị Như Trang  5. Nguyễn Thị Lan Hương  6. Trần Quang Bình -  7. Đỗ Nam Khánh | 1. Viện Dinh dưỡng Quốc gia  2. Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng, Đại học Y Hà Nội | 1/2018-12/2019 | Đã nghiệm thu | 600  (NSNN: 480,  nguồn khác: 120 | (-) 01 bài báo Scopus: Nguyen Thi Trung Thu, Le Thi Thuy Dung, Le Thi Tuyet (2018). Nutritional status: the trends of preschool children aged 10–60 months in the north of Vietnam. Health Risk Analysis. 2018. no. 4. ISSN (Eng-online) 2542-2308. DOI: 10.21668/health.risk/2018.4.06.eng.  (-) 01 bài báo ISI (SCIE, IF=2.468): Thi Tuyet Le, Thi Thuy Dung Le, Nam Khanh Do, V. Savvina Nadezhda, M. Grjibovski Andrej, Thi Trung Thu Nguyen, Thi Thanh Mai Nguyen, Thi Tuyen Vu, Thi Huong Le, Thi Thu Lieu Nguyen, Thi Anh Dao Duong (2019). Ethnic Variations in Nutritional Status among Preschool Children in Northern Vietnam: A Cross-Sectional Study. Int. J. Environ. Res. Public Health 2019, 16, 4060; doi:10.3390/ijerph16214060  (-) 03 bài báo trong nước:  (+) Nguyễn Thị Trung Thu, Lê Thị Tuyết, 2018. Đặc điểm nhân trắc và tình trạng dinh dưỡng của trẻ 24 - 59 tháng tuổi ở một số trường mầm non tại Hà Nội, Thanh Hóa, Phú Thọ năm 2018. Tạp chí khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 63 (3), 150-157.  (+) Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Đỗ Thị Như Trang, Nguyễn Thị Ngọc Liên, Trần Quang Bình, Đỗ Nam Khánh, Nguyễn Thị Trung Thu, Lê Thị Tuyết, 2019. Tối ưu hoá quy trình phân tích kiểu gen và xác định tần số đa hình rs4994 trên gen ADRB3 ở trẻ 3-5 tuổi tại Hà Nội. Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Khoa học Y Dược, Tập 35, Số 1 (2019) 101-111.  (+) Lê Thị Tuyết, Nguyễn Thị Trung Thu, Ngô Thị Thu Hoài, Nguyễn Thị Lan Hương, Lê Thị Thuỳ Dung, Đỗ Nam Khánh, Thực trạng gánh nặng dinh dưỡng kép và một số đặc điểm  thói quen ăn uống của trẻ mầm non tại xã Nam Hồng,  huyện Đông Anh, Hà Nội năm 2018, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Khoa học Y Dược, Tập 35, Số 2 (2019) 68-77. |  | - Đào tạo 03 thạc sĩ bao gồm:  + Thạc sĩ 1: Phan Thị Hương, Cao học K26 của trường Đại học Sư phạm Hà Nội, với đề tài: Ảnh hưởng của một số yếu tố dinh dưỡng và hoạt động thể lực đến thừa cân, béo phì ở trẻ 24 đến 60 tháng tuổi tại một số tỉnh miền Bắc. Người hướng dẫn: TS. Lê Thị Tuyết.  + Thạc sĩ 2: Ngô Thị Thu Hoài, cao học K27 của trường Đại học Sư phạm Hà Nội, với đề tài: Thực trạng và mối liên quan của một số yếu tố môi trường sống đến tình trạng dinh dưỡng của trẻ mầm non xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, Hà Nội. Người hướng dẫn: TS. Lê Thị Tuyết.  + Thạc sĩ 3: Nguyễn Thị Ngọc Liên, cao học K27 của trường Đại học Sư phạm Hà Nội, với đề tài: Mối liên quan giữa đa hình Trp64Arg trên gen ADRB3 và tình trạng béo phì ở trẻ mầm non thành phố Hà Nội. Người hướng dẫn: TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh.  - Hỗ trợ đào 01 NCS:  NCS Đỗ Nam Khánh, NCS khoá 36 của trường Đại học Y Hà Nội với đề tài: Nghiên cứu thực trạng thừa cân, béo phì và một số đặc điểm gen, thói quen dinh dưỡng, hoạt động thể lực ở trẻ em mầm non. Người hướng dẫn: PGS.TS. Lê Thị Hương (Trường Đại học Y Hà Nội) và PGS. TS. Trần Quang Bình (Viện dinh dưỡng Quốc Gia). | - 01 Báo cáo mô tả về vấn đề dinh dưỡng, vấn đề nhân trắc ở trẻ mầm non  - 01 Báo cáo kết quả xác định 4 loại gen MC4R, FTO, GNPDA2, ADRB3 trên trẻ mầm non.  - 01 Báo cáo phân tích mối liên quan giữa các gen di truyền với dinh dưỡng và hoạt động thể lực  - 01 Mô hình dự báo nguy cơ béo phì ở trẻ mầm non dựa trên thông tin kiểu gen của một số SNP thuộc 4 gen MC4R, FTO, GNPDA2, ADRB3 |
|  | Chính sách của các triều đại quân chủ Việt Nam với vấn đề biển đông thế kỉ XVII - XIX - B2018 - SPH -51 | CNĐT: TS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh  Thành viên: | -Viện Sử học  -Viện nghiên cứu Hán Nôm | 12/2017-6/2020 | Đã nghiệm thu | 290.000.000 | -2019. The anti-piracy activities of the Nguyen Dynasty in the South China Sea, 1802– 1858, International Journal of Maritime History, February issue,eISSN: 20527756, ISSN: 08438714, Sage publishing. Indexed in Scopus, ESCI, pp.50-80.  -2020. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Sovereignty consolidation activities in the South China Sea of the Tay Son dynasty (Vietnam). Tạp chí Khoa học ĐHSP, số 5/2020 -2019. Hợp tác và xung đột Việt Nam – Trung Quốc trong vấn đề an ninh, an toàn hàng hải ở biển Đông cuối thế kỷ XIV- đầu thế kỷ XIX qua khảo sát Minh thực lục và Thanh thực lục. Nghiên cứu Hán Nôm, 2019, Nxb Thế giới, tr.358-376, ISBN:978-604-77-6862-2  - 2019. Trần Văn Kiên, Chính sách của các chúa Nguyễn với vấn đề Biển Đông, Tạp chí Khoa học, Đại học Sư phạm Hà Nội. |  | Hướng dãn thành công 01 luận văn Thạc sĩ |  |
|  | Nghiên cứu và phát triển các phương pháp phân tích dữ liệu lớn trên dữ liệu mạng sinh học hỗn tạp để phát hiện các yếu tố liên quan đến các bệnh di truyền - B2018 - SPH -52 | CNĐT: TS. Đặng Xuân Thọ  Thành viên:  Lê Thị Tú Kiên  Trần Đăng Hưng  Trần Thị Thúy  Bùi Dương Hưng  Giang Thành Trung | -Viện Công nghệ Sinh học - Viện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam  - Viện Khoa học và Công nghệ tiên tiến Nhật Bản (JAIST)  - Đại học tổng hợp Kanazawa, Nhật Bản | 01/2018 - 12/2019 | Đã nghiệm thu | 600(NSNN: 420, nguồn khác: 180) | 03 bài hội nghị Quốc tế  (1) Xuan Tho Dang, Duong Hung Bui, Thi Hong Nguyen, Nguyen Tran Quoc Vinh, Dang Hung Tran, "Prediction of Autism-Related Genes Using a New Clustering-Based Under-Sampling Method", 11th International Conference On Knowledge And Systems Engineering (KSE), IEEE, 2019, pp. 209-214. (ISI/SCOPUS)  (2) Bui Duong Hung, Dao Nam Anh, and Dang Xuan Tho, “Relabeling with Mask-S for Imbalanced Class Distribution”, Frontiers in Intelligent Computing: Theory and Applications. Advances in Intelligent Systems and Computing, Springer, Vol 1013. pp. 31-41, 2020 (ISI/SCOPUS)  (3) Thanh Van Thai, Duong Hung Bui, Xuan Tho Dang, Thanh-Phuong Nguyen, Dang Hung Tran and The Dung Luong, "A New Computational Method Based on Heterogeneous Network for Predicting MicroRNA-Disease Associations", Soft Computing for Biomedical Applications and Related Topics, Computational Intelligence, Springer, 2020 (Accepted) (ISI/SCOPUS)  02 bài báo Tạp chí trong nước:  (1) Đặng Xuân Thọ, Giang Thành Trung, Trần Đăng Hưng, “Tiên lượng gen liên quan đến bệnh tự kỉ bằng mô hình học máy có kết hợp với phương pháp cân bằng dữ liệu”, Tạp chí Khoa học ĐHSPHN, Vol 63, Issue 11A, 124-133, 2018  (2) Nguyen Thi Hong and Dang Xuan Tho, "Bam: Border Adjustment Method Improve The Efficiency Of Imbalanced Biological Data Classification", HNUE Journal Of Science, Natural Sciences, 2019, Volume 64, Issue 6, pp. 173-182, DOI: 10.18173/2354-1059.2019-0045 |  | 01 Hỗ trợ đào tạo Nghiên cứu sinh  (1) ThS Bùi Dương Hưng – NCS tại HV Công nghệ Bưu chính Viễn thông  05 luận văn cao học  (1) Phương pháp nghiên cứu điều chỉnh mức độ cân bằng dữ liệu dựa trên ranh giới lớp (Trần Quang Sang - K26)  (2) Nghiên cứu phương pháp giảm số lượng phần tử dựa trên trung tâm cụm (Trương Thị Minh Tâm - K26)  (3) Nghiên cứu giải thuật News Feed trong mạng xã hội dựa trên lý thuyết đồ thị (Vũ Nguyên – K26)  (4) Tích hợp và phân tích dữ liệu lớn trên hệ sinh thái Hadoop (Nguyễn Thị Thủy – K26)  (5) Nghiên cứu phương pháp K-Nearest neighbors giảm số lượng phần tử nâng cao hiệu quả phân lớp dữ liệu y sinh học (Ngô Thị Quyên – K27) |  |
|  | Nghiên cứu phương pháp phát triển kĩ năng ngôn ngữ tiếng Việt theo hướng đa giác quan cho trẻ mẫu giáo - B2018 - SPH -53 | CNĐT: TS. Đinh Thanh Tuyến - 1982 Thành viên: 1. Nguyễn Thị Thanh Hương - 1983 2. Nguyễn Thị Ngân Hoa - 1969 3. Đinh Hồng Thái - 1952 4.Nguyễn Mạnh Tuấn - 1981 5. Trần Thị Kim Liên - 1989 6. Phạm Thị Thu - 1983 7. Tạ Mai Phương - 1990 | Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển GDMN, Viện Phát triển Giáo dục và Công nghệ | 2018-2020 |  | 300 | (1) Dinh Thanh Tuyen, Hoang Thi Lan (2019 ),[Building Vietnamese Language System for Children 5-7 Years of Age with Montessori Method](http://www.macrothink.org/journal/index.php/jse/article/view/15579), Vol 9, No4, 2019,<http://www.macrothink.org/journal/index.php/jse/issue/view/899>  (2) Đinh Thanh Tuyến (2019), Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non. NXB ĐHSP Hà Nội  (3) Dinh Thanh Tuyen, Building Vietnamese language lesson system for 5-7 year- old children using Montessori Method, Vietnam Journal of Education, Vol 4, 2018. |  | (1)Ta Mai Phương, Biện pháp phát triển khả năng giao tiếp bằng lời cho trẻ mẫu giáo, 2018, ĐHSPHà Nội  (2)Nguyễn Thị Luyến, Biện pháp dạy mẫu giáo ở trường mầm non, ĐHSP Hà Nội, 2019 | - Bộ giáo cụ mẫu phát triển kĩ năng ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ mẫu giáo theo hướng đa giác quan.  - 01 tài liệu tập huấn cho giáo viên mầm non |
|  | Nghiên cứu đề xuất bộ công cụ tư vấn định hướng nghề nghiệp cho học sinh trung học cơ sở - B2018 - SPH -54 | CNĐT: PGS.TS. Dương Giáng Thiên Hương  Thành viên:  1.Th.S Trần Thị Thu  2.Th,S Lê Thị Thu Thủy  3.TS. Hoàng Gia Trang  4.Th.S Nguyễn Vinh Quang  5.TS. Nguyễn Thị Thanh Trà  6. PGS.TS. Phùng Thị Hằng  7. Th.S. Trần Thị kim Liên | Trường THCS và THPT Nguyễn Tất Thành; Trường THCS Liêm Tuyền, Hà Nam | 2018-2020 | Đã nghiệm thu cơ sở | 300 | 01 bài báo trong nước:  Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Thị Thanh Trà, *Thực trạng hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho học sinh cuối cấp THCS hiện nay,* 2020, Vo65, Issue4, p.89-98, Tạp chí Khoa học, Trường ĐHSP Hà Nội |  | 01 Thạc sĩ bảo vệ thành công:  Giáo dục định hướng nghề nghiệp cho học sinh THCS thông qua hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp tại cộng đồng huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội  Học viên: Nguyễn Văn Dẫn  Người hướng dẫn: PGS.TS. Phùng Thị Hằng  Đơn vị đào tạo: Trường ĐHSP Hà nội | 01 bộ công cụ tư vấn định hướng nghề nghiệp cho học sinh THCS đã được thích ứng  01 tài liệu hướng dẫn sử dụng bộ công cụ  01 bản đề xuất phương án tổ chức thực hiện hoạt động tư vấn định hướng nghề nghiệp cho học sinh THCS |
|  | Phương pháp công tác xã hội nhóm trong phòng ngừa và trợ giúp trẻ em bị xâm hại tình dục - B2018 - SPH -56 | CNĐT: TS. Nguyễn Hiệp Thương  Thành viên:  1. TS. Phạm Văn Tư  2. ThS. Nguyễn Thị Mai Hương  3. TS. Nguyễn Thị Ánh Nguyệt  4. ThS. Đỗ Nghiêm Thanh Phương  5. ThS. Ngô Thị Thanh Mai  6. ThS. Phạm Thị Thanh Thúy  7. Trần Thị Nga |  | 2018 - 2019 | Đã nghiệm thu | 300 triệu  (NSNN 210, đối ứng 90 triệu) | 1/ Nguyen Hiep Thuong, Nguyen Thu ha, Pham Van Tu, Nguyen Thi Mai Huong "Factors Associated with Child Sexual Abuse in Vietnam: A Qualitative Study”, American Journal of Educational Research. 2019, 7(8), 537-541. 2/ Nguyễn Hiệp Thương, Nguyễn Thị Mai Hương “Nâng cao năng lực công tác xã hội cho đội ngũ cán bộ bảo vệ trẻ em về phòng ngừa và trợ giúp trẻ em bị xâm hại tình dục”. Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP Hà Nội, Số 64, Issue 9 – 2019, ISSN 2354 – 1705. |  | Sản phầm đào tạo.  - 01 thạc sĩ (Trần Thị Nga "Công tác xã hội nhóm trong phòng ngừa trẻ em có nguy cơ bị xâm hại tình dục". 2018 | Sản phẩm ứng dụng:  - 01 bộ Tài liệu tập huấn về "Kiến thức và kĩ năng cho cán bộ Bảo vệ trẻ em về Phòng tránh và hỗ trợ trẻ em bị xâm hại tình dục tại cộng đồng" |
|  | Lý thuyết xấp xỉ và ứng dụng trong Lý thuyết đa thế vị - B2018 - SPH -57 | CNĐT: PGS.TS. Phùng Văn Mạnh  Thành viên:  TS. Nguyễn Xuân Hồng, TS. Tăng Văn Long |  | 1/2008-12/2019 | Đã nghiệm thu | 300 triệu  (NSNN 210 triệu, Đối ứng 90 triệu) | 1. Phung Van Manh, Continuity and convergence properties of integral means of Bojanov-Xu interpolation, Z. Anal. Anwend., Vol 37 (2018), 251-268. (SCIE).  2. Phung Van Manh and Tang Van Long, Interpolation polynomials of Hermite types of harmonic functions based on Radon projectors with constant distances, Appl. Anal., 98 (2019), 2884-2902. (SCIE).  3. Nguyen Xuan Hong and Hoang Van Can, On the approximation of weakly plurifinely plurisubharmonic functions, Indag. Math., 29 (2018), 1310-1317. (SCIE)  4. Nguyen Xuan Hong and Hoang Van Can, Weakly solutions to the complex Monge-Ampère equation on bounded plurifinely hyperconvex domains, Complex Anal. Oper. Theory, 13 (2019), no. 4, 1713–1727. (SCIE). |  | 1. Nguyễn Phúc Long, Nội suy dạng Taylor trên siêu mặt đại số trong Cn, Cao học K26, Người hướng dẫn: PGS.TS. Phùng Văn Mạnh.  2. Trần Thị Thái Hằng, Nội suy đa thức trên R2 dựa trên phép chiếu Radon, Cao học K26, Người hướng dẫn: PGS.TS. Phùng Văn Mạnh.  3. Trần Thị Thu, Đa thức tối thiểu thuần nhất với ràng buộc nội suy, Cao học K26, Người hướng dẫn: PGS.TS. Phùng Văn Mạnh.  4. Đan Khánh Linh, Bất đẳng thức kiểu Bernstein và ứng dụng xây dựng mạng lưới chính quy, Cao học K27, Người hướng dẫn: PGS.TS. Phùng Văn Mạnh. |  |